

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

PHẠM THỊ THƠM

**CHÍNH SÁCH CỨU NẠN TRÊN BIỂN
CỦA NHÀ NGUYỄN ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI
GIAI ĐOẠN 1802-1883**

Chuyên ngành: Lịch sử thế giới

Mã số: 9.22.90.11

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ LỊCH SỬ

HÀ NỘI – 2026

Công trình được hoàn thành tại:

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

Người hướng dẫn khoa học:

1. PGS.TS. Dương Văn Huy
2. TS. Trần Thị Phương Hoa

Phản biện 1: PGS.TS. Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Phản biện 2: PGS.TS Văn Ngọc Thành

Phản biện 3: TS. Lê Quang Chấn

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận án cấp Học viện họp tại Học viện KHXH, vào hồi.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Thư viện Học viện Khoa học xã hội

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Về ý nghĩa khoa học, nghiên cứu chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn đối với người nước ngoài sẽ góp phần làm rõ mục tiêu, nội dung, phương thức thực hiện cũng như quá trình triển khai chính sách cứu nạn và đánh giá chính sách cứu nạn đối với người nước ngoài đặc biệt là người phương Tây và người bị nạn nhà Thanh (Trung Quốc) đặt trong bối cảnh có sự tác động đan xen giữa các mối quan hệ quốc gia-khu vực-quốc tế. Từ đó cho thấy ý thức thúc đẩy bang giao quốc tế và ý thức về chủ quyền đất nước, khả năng kiểm soát và quản trị biển thông qua chính sách cứu nạn của triều Nguyễn. Đồng thời nghiên cứu về cứu nạn biển đối với người nước ngoài của nhà Nguyễn còn góp phần bổ sung vào mảng nghiên cứu về triều Nguyễn nói chung, hướng nghiên cứu về sức mạnh biển, quyền lực biển của nhà Nguyễn, tính “mở” trong tư duy quản lý quốc gia, khẳng định quan điểm “bế quan tỏa cảng” của triều Nguyễn trong một số nghiên cứu trước đây đã không còn phù hợp.

Về ý nghĩa thực tiễn, tình hình thế giới và khu vực hiện nay đang có nhiều biến đổi, các quốc gia có biển đều xây dựng cho mình một chiến lược biển dài hạn. Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước Việt Nam là tăng cường mở rộng giao lưu, hợp tác với các nước trên thế giới, phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ toàn vẹn chủ quyền lãnh thổ. Nghị quyết số 36-NQ/TW về *Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045* nhấn mạnh về việc thống nhất tư tưởng, nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng đặc biệt của biển đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong toàn Đảng, toàn dân. Vậy nên, việc lần giở những trang sử cũ để tìm hiểu, khảo cứu về ứng xử với biển nói chung, chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn nói riêng trong bối cảnh khu vực và thế giới góp phần quan trọng

vào việc nâng cao ý thức về biển, nhận thức rõ hơn về ứng xử với biển của cha ông từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm về xây dựng chiến lược biển của Việt Nam là việc làm thực sự cần thiết, mang tính thực tiễn cao. Bên cạnh đó, trong bối cảnh tranh chấp chủ quyền lãnh thổ ở Biển Đông diễn ra ngày càng phức tạp như hiện nay, việc nghiên cứu thành công chính sách cứu nạn trên biển của nhà Nguyễn đối với người nước ngoài là minh chứng rõ nét cho quá trình thực thi chủ quyền quốc gia trên biển một cách liên tục của Việt Nam trong lịch sử. Từ đó tạo ra hệ thống cứ liệu lịch sử, góp phần củng cố thêm hồ sơ pháp lý về vấn đề Hoàng Sa-Trường Sa và Biển Đông, khẳng định sự toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam với cộng đồng quốc tế.

Với những ý nghĩa khoa học và thực tiễn trên, tác giả quyết định chọn đề tài ***“Chính sách cứu nạn trên biển của nhà Nguyễn đối với người nước ngoài giai đoạn 1802-1883”*** làm đề tài luận án tiến sĩ.

2. Mục tiêu, nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của luận án là nghiên cứu một cách hệ thống và toàn diện về chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài của triều Nguyễn từ năm 1802 đến năm 1883. Để thực hiện mục tiêu đó, luận án thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu chính sau:

Thứ nhất, hệ thống hóa và đánh giá các nghiên cứu có liên quan đến chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài của triều Nguyễn.

Thứ hai, làm rõ bối cảnh, cơ sở hình thành chính sách cứu nạn đối với người nước ngoài dưới 4 triều vua từ Gia Long đến Tự Đức.

Thứ ba, mô tả và phân tích mục tiêu, cách thức, nội dung chính sách và những chuyển biến trong quá trình thực thi chính sách cứu nạn dưới 4 triều vua.

Thứ tư, đánh giá chính sách, tác động của chính sách và ý nghĩa của chính sách đối với nhà Nguyễn, đất nước.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của Luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu chính của luận án là chính sách cứu nạn trên biển của Việt Nam đối với người nước ngoài thời kỳ 1802-1883.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi thời gian: Phạm vi thời gian của đề tài là từ năm 1802 tới năm 1883 do bốn vị vua trị vì là Gia Long (1802-1820), Minh Mệnh (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847) và Tự Đức (1848-1883).

-Phạm vi đối tượng: Đề tài tập trung vào đối tượng bị nạn chủ yếu là người phương Tây và người nhà Thanh (Trung Quốc). Đồng thời đề tài cũng đề cập đến một số đối tượng bị nạn khác như người Xiêm, Chà Và,... để có thêm cơ sở so sánh.

4. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu

4.1. Cách tiếp cận

Tiếp cận của sử học: Luận án sử dụng cách tiếp cận cơ bản của nghiên cứu sử học là lịch đại và đồng đại để phân tích chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài của nhà Nguyễn. Luận án cũng sử dụng cách tiếp cận liên ngành trong đó trọng tâm là tiếp cận sử học kết hợp với địa lý học, quan hệ quốc tế, chính trị học...

Ứng xử với biển (Maritime adaptation): Nghiên cứu về thích ứng với biển của những người đứng đầu Nhà nước sẽ đưa đến sự ra đời của rất nhiều chính sách, chủ trương về không gian thương mại biển, hành lang trao đổi và kết nối khu vực trên biển cũng như kéo theo nhiều hoạt động bang giao, trao đổi kinh tế, văn hóa, xã hội giữa các quốc gia. Đó là những ứng xử cao nhất của một quốc gia độc lập, thống nhất và tự chủ. Nghiên

cứu về chính sách cứu nạn đối với người nước ngoài của nhà Nguyễn thế kỉ XIX cũng là một bộ phận của hướng tiếp cận đó.

Tiếp cận nghiên cứu chính sách: Hiện nay trong lĩnh vực nghiên cứu chính sách có nhiều cách định nghĩa về khung chính sách khác nhau. Luận án xây dựng khung chính sách như một công cụ nhằm xác định những công việc cần làm để tiến hành phân tích, đánh giá chính sách. Khung phân tích chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài là một tập hợp gồm 4 yếu tố có quan hệ qua lại lẫn nhau gồm: bối cảnh, chủ thể ban hành và thực thi chính sách, nội dung chính sách và quá trình triển khai chính sách.

4.2. Phương pháp nghiên cứu

Để đáp ứng mục tiêu đặt ra của luận án, trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã vận dụng chủ yếu các phương pháp nghiên cứu sau:

Phương pháp lịch sử

Phương pháp logic

Phương pháp so sánh, đối chiếu

Phương pháp thống kê

5. Nguồn tư liệu

Để thực hiện đề tài này, ngoài các công trình nghiên cứu, tác giả luận án còn sử dụng nhiều nguồn tư liệu khác nhau bao gồm: các bộ chính sử của Việt Nam và Trung Quốc, các tư liệu về địa chí, nhật ký hành trình, các tác phẩm văn học sử của các thương nhân, quan quân người Việt và người nước ngoài.

6. Đóng góp của luận án

-Luận án đã làm rõ chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn như một bộ phận cấu thành của tư duy quản trị biển, không chỉ mang tính nhân đạo mà còn gắn với ngoại giao, kinh tế và an ninh chủ quyền quốc gia, cho

thấy tầm nhìn chiến lược của các vua nhà Nguyễn trong các vấn đề ứng xử với biển và các quốc gia trong khu vực.

-Luận án cũng góp phần bổ sung vào mảng nghiên cứu về nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam, góp phần quan trọng khẳng định cơ sở lịch sử và pháp lý đối với chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

-Luận án cũng là nguồn tài liệu tham khảo cho giảng dạy và nghiên cứu về lịch sử hàng hải Biển Đông, quá trình thực thi và bảo vệ chủ quyền biển đảo trong lịch sử.

7. Cấu trúc luận án

Ngoài phần Mở đầu, Kết luận, Tài liệu tham khảo, Phụ lục, nội dung chính của luận án được chia thành 4 chương:

Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận án

Chương 2: Bối cảnh tác động và cơ sở hình thành chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài của nhà Nguyễn

Chương 3: Mục tiêu, nội dung, cách thức và quá trình triển khai chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài

Chương 4: Đánh giá về chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN

1.1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Luận án đề cập đến các nghiên cứu theo ba hướng nghiên cứu chính gồm: (1) *Các nghiên cứu về chính sách cứu nạn nói chung của các nước Đông Á*; (2) *Các nghiên cứu về cứu nạn người Việt của các nước trong khu vực*, (3) *Các nghiên cứu liên quan đến chính sách cứu nạn trên biển của Việt Nam*

1.2. Đánh giá các kết quả nghiên cứu và những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

1.2.1. Đánh giá các kết quả nghiên cứu

Với việc điếm qua các công trình nghiên cứu có liên quan đến đề tài, có thể thấy các nghiên cứu cả trong và ngoài nước trong những năm qua đều tập trung khai thác các tư liệu lịch sử, nhật kí, bản đồ có liên quan đến hoạt động khai thác và thực thi chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử. Bên cạnh đó, các khảo cứu chuyên sâu về hoạt động hải thương khu vực, quan hệ Việt-Trung và các vấn đề về Hoa kiều cũng là mảng đề tài được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu.

Nhìn một cách tổng thể, các nghiên cứu về hoạt động cứu nạn và mạng lưới hồi hương người bị nạn của các quốc gia trong khu vực Đông Á đã nhận được sự quan tâm của đông đảo học giả nước ngoài chủ yếu ở Đài Loan, Trung Quốc và Nhật Bản. Các vấn đề liên quan đến cứu nạn không chỉ được nghiên cứu một cách đơn lẻ mà còn được nghiên cứu trong bối cảnh đa chiều nhằm làm rõ tác động và hệ quả mà nó mang lại. Những vấn đề được tìm hiểu trong các nghiên cứu trước đó có liên quan đến luận án được khái quát qua những điểm như sau:

(1) Các nghiên cứu về chính sách cứu nạn, mạng lưới hồi hương người bị nạn và tác động của hoạt động cứu nạn đến văn hóa-kinh tế ngoại giao đã được quan tâm nghiên cứu với số lượng các chuyên khảo, bài viết rất phong phú. Các nghiên cứu về cứu nạn được coi là một mảng đề tài quan trọng trong hướng nghiên cứu về hợp tác hàng hải giữa các quốc gia trong lịch sử. Trong khi đó ở Việt Nam, hướng nghiên cứu này chưa nhận được sự quan tâm chuyên sâu của giới nghiên cứu.

(2) Ở Việt Nam các nghiên cứu trực tiếp về chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn hiện chưa nhiều. Ngoài một số bài viết của tác giả luận án, cho đến nay, các bài viết liên quan đến chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn đã được các tác giả khác công bố tập trung chủ yếu vào việc khảo cứu, dịch thuật văn bản các nhật kí hành trình, sáng tác thơ văn của nạn nhân gặp nạn hoặc quan quân trí sĩ làm nhiệm vụ đưa người bị nạn về nước. Với hạn chế về dung lượng, các bài viết mới chỉ bước đầu đặt vấn đề và đưa ra một vài trường hợp cứu nạn tiêu biểu dưới triều Nguyễn mà chưa có điều kiện đi sâu khảo cứu chính sách cứu nạn dành cho từng đối tượng và đánh giá chính sách một cách toàn diện.

(3) Có thể thấy, các nghiên cứu có liên quan đến vấn đề cứu nạn đã được đề cập, khảo cứu bước đầu với rất nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Đó cũng là những kết quả nghiên cứu quan trọng mà tác giả có thể kế thừa trong quá trình triển khai luận án. Có thể thấy, chưa có công trình nào khảo cứu toàn diện về chính sách cứu nạn đặt trong bối cảnh tương tác biên quốc gia, khu vực. Đó chính là khoảng trống khoa học để tác giả đặt ra những hướng nghiên cứu mới trong luận án.

1.2.2. Những vấn đề luận án tiếp tục nghiên cứu

Từ tổng quan tình hình nghiên cứu đặt ra cho luận án tiếp tục nghiên cứu và giải quyết các vấn đề sau:

Thứ nhất, luận án làm rõ vị trí của Việt Nam trong các mối giao thương trên biển ở khu vực và trên thế giới cũng như nhận thức về biển của các vị vua nhà Nguyễn. Nhận thức đó không chỉ do sự tác động của các tương tác biển ở khu vực mà quan trọng hơn xuất phát từ chính nhu cầu nội tại của đất nước. Bên cạnh đó, luận án cũng làm rõ cơ sở tự nhiên (gió bão, đá ngầm trên biển) và cơ sở thời đại (chính sách cứu nạn của các quốc gia khác). Đó là tiền đề quan trọng trong việc lí giải sự hình thành chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn thế kỉ XIX.

Thứ hai, luận án phân tích mục tiêu, cách thức thực hiện, nội dung, quá trình triển khai và kết quả thực hiện chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn đối với các nhóm nạn nhân chủ yếu đến từ Trung Quốc, phương Tây và một số quốc gia ở Đông Nam Á.

Thứ ba, luận án tiến hành đánh giá những thành công của chính sách trên các phương diện đảm bảo chủ quyền, phát triển bang giao khu vực cũng như đánh giá tác động của chính sách.

CHƯƠNG 2: BỐI CẢNH TÁC ĐỘNG VÀ CƠ SỞ HÌNH THÀNH CHÍNH SÁCH CỨU NẠN TRÊN BIỂN ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CỦA NHÀ NGUYỄN

2.1. Bối cảnh tác động đến sự hình thành chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài của nhà Nguyễn

2.1.1. Tình hình hoạt động hàng hải khu vực

Bước sang thế kỉ XIX, sự phát triển của các cường quốc tư bản gắn chặt với quá trình hướng biển, khai thác và làm chủ các tuyến hàng hải quốc tế. Các cường quốc tư bản như: Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Hà Lan, Pháp, Anh, Mỹ đã lần lượt trở thành các cường quốc biển mạnh mẽ. Có thể thấy quá trình xâm nhập của các quốc gia phương Tây đến phương Đông đều qua con đường biển. Trước làn sóng xâm lược từ các cường quốc biển phương Tây, nhiều quốc gia châu Á đã tỏ ra lúng túng, bị động trong việc tìm ra phương án đối phó. Cuối cùng, tất cả đều bị cuốn vào cơn lốc mang tên chủ nghĩa thực dân, ngoại trừ Thái Lan và Nhật Bản. Việc lựa chọn con đường đóng cửa, đối đầu một cách thụ động đã đưa đến những thất bại nặng nề. Sự can dự của các cường quốc phương Tây ở Đông Nam Á cũng cho thấy tham vọng lớn của các thế lực này trong việc tranh giành ảnh hưởng ở các thuộc địa cũng như khả năng làm chủ các tuyến thương mại hàng hải quốc tế.

2.1.2. Bối cảnh trong nước

2.1.2.1. Bối cảnh chính trị - kinh tế - xã hội thời Nguyễn

Sau thắng lợi của Nguyễn Ánh trước nhà Tây Sơn, năm 1802, triều Nguyễn được thành lập, mở ra một thời kỳ phát triển mới trong lịch sử Việt Nam. Sau khi lên ngôi, Nguyễn Ánh đặt kinh đô tại Phú Xuân, lấy niên hiệu là Gia Long và bắt đầu xây dựng bộ máy nhà nước chuyên chế tập quyền. Các vua đầu triều Nguyễn, từ Gia Long tới Tự Đức đều có tinh thần dân tộc trong xây dựng phát triển kinh tế-xã hội cũng như ý thức về

chủ quyền, lãnh thổ và bang giao quốc tế. Những biến cố chính trị-quân sự-ngoại giao, những biến động lịch sử trong nước, khu vực và thế giới đã tác động sâu sắc đến nhận thức và chính sách quản lý quốc gia của triều Nguyễn trong đó có các chính sách liên quan đến biển và cứu nạn, cứu hộ trên biển.

2.1.2.2. Hoạt động bang giao của nhà Nguyễn với nhà Thanh

Năm 1802, Gia Long chính thức lên ngôi vua, đặt kinh đô tại Huế mở đầu cho thời kỳ trị vì của nhà Nguyễn. Tiếp nối truyền thống bang giao của tiền nhân, ngay sau khi thống nhất được lãnh thổ, triều đình nhà Nguyễn đã tiến hành nối lại quan hệ bang giao với Trung Quốc. Thế kỷ XIX, các vua nhà Nguyễn đều đi theo đường lối ngoại giao trên nguyên tắc chịu sự thần phục nhà Thanh trên danh nghĩa, không ảnh hưởng đến độc lập, chủ quyền quốc gia. Trong nửa sau thế kỉ XIX, với sự can thiệp ngày càng sâu của Pháp vào Việt Nam đã làm thay đổi tính chất truyền thống của mối quan hệ truyền thống Việt-Trung.

2.1.2.3. Hoạt động bang giao của nhà Nguyễn với phương Tây

Mối quan hệ giữa Việt Nam và Pháp được thể hiện chủ yếu trên các lĩnh vực giao thương và chính trị. Dù không đồng ý kí kết các hiệp ước nhưng các vua nhà Nguyễn đều cho phép thương nhân Pháp được tự do buôn bán và cập cảng Đà Nẵng. Kể từ sau sự kiện liên quân Pháp-Tây Ban Nha tấn công bán đảo Sơn Trà năm 1858, thời kỳ ngoại giao hòa bình giữa triều Nguyễn với Pháp đã chấm dứt, chuyển sang thời kỳ ngoại giao pháo hạm với sự thất bại và đầu hàng từng bước của nhà Nguyễn.

2.1.2.4. Nhận thức về biển của các vị vua nhà Nguyễn

Với nhận thức về “biển là nơi xung yếu”, từ rất sớm của các vị vua nhà Nguyễn, các ứng xử với biển của những người đứng đầu nhà nước đã được phát triển cao thêm một bước. Dưới triều Nguyễn, ý thức về biển được thể hiện phong phú qua các Chi, Dụ, Chiếu của những người đứng

đầu nhà nước. Từ đó, nhiều chính sách liên quan đến biển đã được quy định thành luật, lệ, thể hiện tập trung và sinh động qua các vấn đề tổ chức khai thác biển (khai thác nguồn lợi hải vật, thông thương qua lại với bên ngoài), thực thi chủ quyền trên biển (đo đạc đảo, vẽ bản đồ...) cũng như kiểm soát và bảo vệ biển (tuần tra, tiêu trừ cướp biển, xây dựng pháo đài, cứu nạn...).

2.2. Cơ sở hình thành chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài của nhà Nguyễn

2.2.1. Cơ sở lịch sử

Hoạt động cứu nạn người nước ngoài của các triều đại quân chủ Việt Nam đã được ghi nhận trong một số nhật kí, hồi kí, thư tịch cổ dù số lượng ghi chép không nhiều. Từ các vị vua nhà Lê cho đến các Chúa Nguyễn và triều Tây Sơn đều đã tận tình giúp đỡ những nạn nhân gặp nạn trên vùng biển đảo Việt Nam. Không chỉ đảm bảo an toàn tính mạng cho các nạn nhân, cấp phát tiền bạc, lương thực, nước uống, họ còn được chính quyền hỗ trợ đưa về nước qua các thuyền buôn hoặc trực tiếp cử lực lượng đưa về nước. Dù trong một số trường hợp, chính quyền quân chủ đã thể hiện sự nghi ngờ và hoạt động cứu nạn không diễn ra theo chiều hướng thuận lợi cho thuyền buôn nước ngoài nhưng đã cho thấy những nhận thức tiến bộ về quyền làm chủ của các chính thể quân chủ trên vùng biển đảo Việt Nam thời cổ trung đại. Những tiến bộ cũng như hạn chế trong nhận thức và triển khai hoạt động cứu nạn của các nhà nước quân chủ Việt Nam trước thế kỉ XIX đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho nhà Nguyễn sau này trong việc định hình và triển khai chính sách cứu nạn ở thế kỉ XIX.

2.2.2. Cơ sở thời đại

Một số quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Triều Tiên đều đã xây dựng các chính sách cứu nạn người nước ngoài và phối

hợp với quốc gia có người bị nạn hồi hương họ. Những người bị nạn khi dạt vào bờ sẽ được kiểm tra danh tính, nguồn gốc sau đó cung cấp lương thực, tiền, quần áo, giúp sửa chữa tàu thuyền và miễn thuế hàng hóa. Điểm khác biệt nổi bật trong chính sách cứu nạn giữa các nước còn lại nằm ở hoạt động hồi hương những người bị nạn này. Sự hình thành chính sách cứu nạn ở nhiều quốc gia trong khu vực đã tạo nên một “hệ thống chính sách cứu nạn liên quốc gia” và “mạng lưới hồi hương người bị nạn ở Đông Á” trong nửa đầu thế kỉ XIX.

Đến nửa sau thế kỉ XIX, các thế lực phương Tây ngày càng can thiệp sâu vào tình hình nội trị của nhiều quốc gia trong khu vực. Hoạt động cứu nạn, cứu hộ và hồi hương người bị nạn nước ngoài vì thế mà thay đổi theo nội dung các bản Hiệp ước hiện đại.

2.2.3. Cơ sở tự nhiên

2.2.3.1. Vị thế chiến lược của vùng biển đảo Việt Nam

Vùng biển Việt Nam là một phần của Biển Đông với đường bờ biển dài 3.260 km cùng hai thềm lục địa rộng lớn ở phía bắc và phía nam là vịnh Bắc Bộ và vùng vịnh Tây Nam. Vùng biển đảo Việt Nam có diện tích khoảng 1.000.000 km² trong đó cứ 100km² thì có 1km bờ biển, chỉ số này cao gấp 6 lần tỷ lệ trung bình của thế giới. Với phần bờ biển dài nhất trong số các nước có liên quan ở Biển Đông, hiển nhiên đặt Việt Nam vào thế “hướng ra biển” và tạo ra vị thế địa-chính trị, địa-văn hóa, địa-kinh tế quan trọng trong khu vực. Do hội tụ đủ các vị thế địa-chính trị, địa-kinh tế, địa-văn hóa cùng nguồn tài nguyên phong phú nên trên các không gian biển Việt Nam đã diễn ra các quan hệ song phương, đa phương từ rất sớm, có tầm ảnh hưởng nhất định đến tình hình chung của khu vực.

2.2.3.2. Tình hình gió, bão và ảnh hưởng của gió bão trên biển

Biển Đông là khu vực chịu nhiều thiên tai bão tố, biến đổi khí hậu. Bão là một trong những hiện tượng thời tiết nguy hiểm, gây ra nhiều hậu

quả nghiêm trọng trên phạm vi rộng. Trong lịch sử, bão đã gây ra rất nhiều khó khăn và tổn thất cho các thuyền bè đi lại trên biển. Dưới triều Nguyễn, các tàu thuyền qua lại dù đã có kiến thức về hải văn, khí hậu của khu vực này đôi khi cũng không tránh khỏi gặp tai nạn.

2.2.3.3. Nạn mắc cạn và va phải đá ngầm trên biển

Sự chia cắt nhô ra thụt vào của bờ biển Việt Nam đã tạo ra nhiều vịnh và hải cảng thuận lợi cho phát triển giao thông đường biển nhưng cũng đồng thời tạo ra những nguy hiểm cho tàu thuyền qua lại bởi những dải đá ngầm. Không chỉ có khí hậu trên biển có phần khắc nghiệt hơn trên đất liền mà địa hình ở các đảo cũng gây không ít khó khăn cho thuyền bè đi lại trên biển. Trong hơn 3000 hòn đảo, Việt Nam có tới hàng nghìn đảo chìm chưa kể đến những dải đá ngầm luôn tiềm ẩn những mối nguy hại cho thuyền bè nhất là khi có sương mù và mưa bão. Trong chính sử nhà Nguyễn, các vụ thuyền bị mắc cạn hoặc va phải đá ngầm đã nhiều lần được ghi nhận. Hình ảnh về những đảo đá ngầm, những cơn bão hay bãi cát dài trên biển đã cho thấy những tác động liên tục, mạnh mẽ từ phía biển vào đất liền.

CHƯƠNG 3: MỤC TIÊU, NỘI DUNG, CÁCH THỨC VÀ QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI CHÍNH SÁCH CỨU NẠN TRÊN BIỂN ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

3.1. Mục tiêu của chính sách

Nhìn vào những yếu tố tác động đến sự hình thành chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn như đã phân tích ở trên, có thể thấy mục tiêu của nhà Nguyễn khi ban hành chính sách cứu nạn trước hết nhằm giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra. Đây là mục tiêu nhân đạo được các vị vua nhà Nguyễn nhấn mạnh nhiều lần thông qua các Chi, Dụ. Bên cạnh đó, sự hình thành chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài còn cho thấy mục tiêu kiểm soát và thực thi chủ quyền quốc gia ở Biển Đông cũng như củng cố vị thế quốc gia trong bang giao khu vực của các vị vua nhà Nguyễn.

3.2. Nội dung chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài

3.2.1. Quy định đối với người nước ngoài nói chung

Không chỉ đặt ra chính sách cứu nạn với người bị nạn trong nước, ngay khi mới lên ngôi, vua Gia Long đã đặt ra lệ cứu giúp cả những người nước ngoài gặp nạn trên vùng biển Việt Nam. Triều đình quy định rõ: “Những thuyền buôn bị bão, vỡ thuyền, của cải mất hết, đó là nhà buôn bị tai nạn. Quan sở tại nên căn cứ vào số nhân khẩu trong thuyền là bao nhiêu mà cấp phát cho mỗi người 1 tháng lương thực của công để những người buôn bán đó độ nhật”. Dưới triều vua Tự Đức, triều đình quy định “từ sau trở đi, chuẩn cấp lương ăn cho các thuyền bị nạn mỗi người đều 1 phương gạo”.

3.2.2. Quy định đối với người nhà Thanh và phương Tây

Kể từ triều Minh Mệnh trở đi, triều đình có những quy định cụ thể, phân biệt rõ đối tượng người nước ngoài bị nạn là người nước nào trong đó đặc biệt chỉ rõ hai đối tượng là người phương Tây và người nhà Thanh.

Đối với nhà Thanh, triều đình nhà Nguyễn chia ra hai đối tượng quan quân và thương nhân gặp nạn với nhiều lệ định rõ ràng. Đối với thương nhân đi buôn gặp nạn, vua Gia Long quy định sau khi đã cho tiền, gạo theo lệ chung thì “cho phép tùy tiện đáp về hoặc ở trọ làm ăn sinh sống, không phải đưa đi”. Dưới triều vua Tự Đức, quy định ân cấp với nạn nhân gặp nạn là thương nhân Trung Quốc có sự thay đổi. Kể từ năm Tự Đức thứ 30 (1877), thuyền người Thanh bị bão, phiêu dạt vào địa phận xã thôn nào, nếu xét thấy túng thiếu mà cần phải đi đường bộ, cấp cho mỗi người 3 quan tiền và 1 phượng gạo, sức cho các hạt tùy theo mà cấp lương ăn đường để đưa họ về nước.

Đối với quan quân, trí thức nhà Thanh gặp nạn, triều đình nhà Nguyễn lại tỏ ra rất coi trọng hoạt động này. Sau khi cứu giúp các nạn nhân với mức ân cấp tiền, gạo vượt trội hơn hẳn các đối tượng khác, triều đình nhà Nguyễn còn đặt lệ biệt đãi quan quân, trí thức nhà Thanh với nhiều chế độ đặc biệt và chủ động đưa họ về nước khi thuận lợi. Triều đình không quy định cụ thể mức ân cấp với đối tượng này là bao nhiêu mà tùy vào tình hình từng vụ việc sẽ có những biệt đãi cụ thể.

Đối với đối tượng bị nạn là người phương Tây, chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn có sự khác biệt ở thời kỳ trước và sau thế kỉ XIX. Trước thế kỉ XIX, vua Gia Long đã sẵn lòng cứu giúp tất cả những nạn nhân nước ngoài gặp nạn, không có sự phân biệt rõ ràng đối với người bị nạn đến từ quốc gia nào. Kể từ triều Minh Mệnh, nhà Nguyễn đã có những quy định rõ hơn đối với các thuyền buôn phương Tây gặp nạn trên vùng biển Việt Nam. Mỗi khi người phương Tây gặp nạn đều được nhà Nguyễn cấp lương thực, tiền rồi cho phép theo thuyền buôn về nước. Đối với các thuyền bị hư hại nhẹ, triều đình quy định: “Sau khi thuyền nước ngoài đậu lại, nếu chỉ lấy củi lấy nước thì cho vào lấy ở nơi gần bờ. Lấy củi thì phải lấy ở núi Sơn Trà, gánh nước thì phải gánh ở chợ Hoàn.

Không được di tản vào làng xóm”. Bước sang nửa sau thế kỉ XIX, đặc biệt sau khi nhà Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Giáp Tuất (1874), vấn đề cứu nạn được quy định như một điều khoản trong hiệp ước.

3.2.3. Quy định đối với hàng hóa và tàu thuyền gặp nạn

Bên cạnh những ân cấp cho người nước ngoài bị nạn nhà Nguyễn còn quan tâm cả đến việc miễn đền hàng hóa bị mất, sửa chữa thuyền bè, miễn hoặc giảm thuế cho các thuyền, tạo điều kiện để họ tiếp tục buôn bán hoặc thuận lợi trở về nước sau mỗi lần gặp nạn trên vùng biển Việt Nam. Theo đó, thuyền buôn nếu bị gió dạt vào các cửa biển, xin thả neo đều do quan sở tại địa phương xét nghiệm cho rõ, xem chiếc nào bánh lái cột buồm gãy, buồm dây đứt rách, đúng thực bị nạn gió mà hàng hóa trong thuyền đều hết sạch hay trong thuyền có hàng hóa tạm bợ, bỏ neo để lấy củi nước, trong vòng một tuần rồi đi ngay thì cho miễn trừ thuế lệ, nếu trong thuyền có hàng hóa mà tạm đỗ đến 1 tháng trở lên, không kể có buôn bán hay không, phải đánh thuế theo ngạch.

3.3. Cách thức thực thi chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài

3.3.1. Quy trình thực hiện cứu nạn

Dựa trên các vụ tai nạn hàng hải và các hoạt động cứu nạn, cứu hộ của nhà Nguyễn có thể khái quát quy trình cứu nạn người nước ngoài gồm 7 bước: (1) Cứu nạn, cứu hộ và thông báo với địa phương, (2) Xác nhận danh tính người bị nạn và kiểm tra hàng hóa trên thuyền, (3). Ban cấp lương thực, sắp xếp chỗ ở theo quy định, (4) Sửa chữa thuyền và hỗ trợ mua các hàng hóa của người bị nạn, (5) Tàu báo lên Lục Bộ, (6) Nhận chỉ dụ của triều đình, (7) Hồi hương.

3.3.2. Cách thức tổ chức lực lượng cứu nạn

3.3.2.1. Tổ chức bộ máy giám sát chính sách

Dưới thời Nguyễn, chính sách cứu nạn không được ban hành tập trung dưới thời kỳ trị vì của một vị vua mà dần hoàn thiện qua từng thời kỳ. Nhìn chung, sau khi được nhà vua thông qua, lệ định tiếp tục được cơ quan Nội các biên chép lưu trữ và thông báo xuống các bộ phận. Như vậy, vua nhà Nguyễn chính là chủ thể ban hành chính sách. Sau khi chính sách được định hình sẽ được thông báo rộng rãi để các bộ phận cùng thực hiện. Trong tổ chức hành chính triều Nguyễn, Lục Bộ là những cơ quan cấp trung ương, trực tiếp thực thi chiếu lệnh của nhà vua trong việc chỉ đạo và triển khai nhiệm vụ. Chính sách cứu nạn cũng được đặt dưới sự hội bàn, định xét và thực thi của tất cả các cơ quan trong Lục Bộ.

3.3.2.2. Tổ chức lực lượng thực thi cứu nạn trên biển

Dưới triều Nguyễn, thủy quân là lực lượng phải đảm trách nhiều công việc khác nhau theo sự sai phái của triều đình. Lực lượng thủy quân làm công tác tuần tra, kiểm soát biển thời Nguyễn cũng chính là lực lượng thi hành chính sách cứu nạn biển.

3.3.2.3. Tổ chức lực lượng thực thi cứu nạn tại cửa biển, tấn biển

Phối hợp với lực lượng làm công tác cứu hộ, cứu nạn trên biển, tại các cửa biển, tấn biển, triều đình nhà Nguyễn còn bố trí lực lượng đông đảo tham gia công tác cứu trợ thuyền và người gặp nạn. Lực lượng quan chế bố phòng cửa biển chủ yếu là Tấn thủ, Thủ ngự, Thủ úy, Thành thủ úy, Phòng thủ úy. Trong đó, Tấn thủ là chức quan cai quản ở các tấn, bảo. Chức năng chính của các cửa biển, tấn ngoài công tác chuyên môn như kiểm soát tàu thuyền, tuần tra cửa biển còn có chức năng quan trọng khác là theo dõi các thuyền cập cảng để sửa chữa và cứu giúp người bị nạn bằng việc xem xét cấp phát cho họ tiền, gạo đồng thời tâu báo sự việc về triều đình.

3.3.2.4. Tổ chức lực lượng đưa người bị nạn hồi hương

Theo quy định của nhà Nguyễn, các nạn nhân gặp nạn là thương nhân, dân thường sẽ nhận được ân cấp tiền, lương thực, nơi ở và cho phép về nước theo đường bộ hoặc theo các thuyền buôn bằng đường biển. Trong khi đó, với các văn nhân, binh sĩ nước ngoài gặp nạn, triều đình nhà Nguyễn lại tỏ ra rất coi trọng các đối tượng này. Riêng đối với thuyền công cán Trung Hoa gặp nạn thì trước là biệt đãi sau là đưa nạn nhân về nước an toàn. Tất cả các quan chức, viên chức, biên binh, trí thức khi bị nạn đều được nhà Nguyễn biệt đãi và đưa về nước bằng một trong hai con đường thủy hoặc bộ. Quy định này đòi hỏi nhà Nguyễn cần có lực lượng phụ trách việc đưa người bị nạn về bằng đường bộ hay lực lượng người và thuyền lớn đưa về bằng đường biển.

3.4. Quá trình triển khai chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài

Hoạt động cứu giúp người nước ngoài xuất hiện thường xuyên trong các ghi chép của Quốc sử quán và Nội các nhà Nguyễn.

Căn cứ các ghi chép cụ thể trong *Đại Nam thực lục* và *Hội điển*, kết hợp với các ghi chép rải rác trong chính sử nhà Thanh (*Thanh thực lục*), quá trình triển khai chính sách cứu nạn đối với người và thuyền bè nước ngoài được chia thành ba nhóm chính gồm: Đối tượng bị nạn nhà Thanh (Trung Quốc), Đối tượng bị nạn phương Tây và Đối tượng bị nạn đến từ các quốc gia khác (Xiêm, Chà Và, Lưu Cầu, Nhật Bản...).

3.5. Kết quả thực thi chính sách cứu nạn đối với người nước ngoài

3.5.1. Hiệu quả của chính sách

Những nỗ lực của nhà Nguyễn trong việc đề ra và thực hiện chính sách cứu nạn đã được ghi nhận nhiều lần trong chính sử và cả các ghi chép nước ngoài. Việc hình thành và duy trì chính sách cứu nạn đã hiện thực hóa thành công ba mục tiêu của nhà Nguyễn. Có thể thấy, các hoạt động cứu nạn người nước ngoài luôn được triều đình duy trì hiệu quả.

Triều Nguyễn đã xử lý thành công cùng một lúc hai vấn đề: đảm bảo hoạt động quan hệ quốc tế mà vẫn giữ vững chủ quyền quốc gia.

3.5.2. Hạn chế của chính sách

Từ chính sách cứu nạn và quá trình thực hiện chính sách đã nảy sinh ra nhiều hạn chế mà nguyên nhân bắt nguồn cả từ phía bộ máy ban hành, thực thi chính sách (lực lượng cứu nạn) đến đối tượng được hưởng quyền lợi của chính sách (người bị nạn).

Thứ nhất, việc đề ra và thực thi chính sách cứu nạn đã gián tiếp tạo ra tâm lý chủ quan, ỷ lại trong hoạt động kiểm soát thuyền bè trên biển và tại các cửa biển. Thứ hai, việc đề ra và thực thi chính sách cứu nạn đã giúp nhiều thuyền buôn nước ngoài lợi dụng cơ hội để trốn thuế nhập cảng mà tiêu biểu nhất là các Hoa thương.

CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ VỀ CHÍNH SÁCH CỨU NẠN TRÊN BIỂN ĐỐI VỚI NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CỦA NHÀ NGUYỄN

4.1. Tác động của chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài dưới triều Nguyễn

4.1.1. Tác động đến bang giao

Mỗi lần các thuyền buôn, thuyền công sai gặp nạn cập bờ biển Việt Nam là một lần Việt Nam thực hiện các thủ tục ngoại giao. Từ chính sách cứu nạn biển, quan hệ ngoại giao của Việt Nam tiếp tục được mở rộng. Đó không chỉ là các cuộc tiếp xúc giữa triều đình với người bị nạn nước ngoài mà cao hơn là sự trao đổi qua lại các văn thư ngoại giao thông qua các lần cứu giúp thuyền gặp nạn với nội dung đa dạng như cảm ơn, gửi tặng vật phẩm, mong muốn đặt quan hệ ngoại giao, thông thương...

4.1.2. Tác động đến kinh tế

Trong các ghi chép của Quốc sử quán hay Nội các triều Nguyễn cũng không đề cập tới vấn đề khối lượng hàng hóa mang theo trong mỗi chuyến đưa người bị nạn hồi hương. Dù vậy nhưng qua các ghi chép của

chính thành viên phái đoàn Việt Nam đưa người bị nạn về đã phần nào cho thấy nhà Nguyễn thực sự có những tính toán tối ưu mỗi khi tổ chức các chuyến công cán nước ngoài. Bằng cách mang theo hàng hóa “dẫn thuyền” khi đưa người bị nạn về nước, nhà Nguyễn đã gián tiếp thực hiện buôn bán bằng đường biển, góp phần thúc đẩy các hoạt động buôn bán quan phương qua đường biển.

4.1.3. Tác động đến giao lưu văn hóa-xã hội

Thế kỉ XIX, thông qua những vụ tai nạn hàng hải, nhiều thương nhân, quan quân nước ngoài đã có dịp đến Việt Nam. Trong những ngày tháng sống ngắn ngủi ở Việt Nam chờ ngày hồi hương, không ít các tác phẩm văn thơ, nhật kí đã ra đời. Có thể kể đến một số tác phẩm như: Hải Nam tạp trứ của Thái Đình Lan, Đông hành thi lục của Phạm Phú Thứ,...

4.2. Ý nghĩa của chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài

4.2.1. Thể hiện quyền làm chủ, kiểm soát và thực thi chủ quyền biển đảo của Nhà nước quân chủ Việt Nam trên Biển Đông

Chính sách cứu nạn đã trở thành bộ phận không thể tách rời trong tầm nhìn hướng biển của các vị vua nhà Nguyễn hướng trọng tâm vào hoạt động kiểm soát, thực thi chủ quyền đất nước trên biển. Quá trình thực thi chính sách cứu nạn cho thấy tư cách của một quốc gia nắm quyền làm chủ một khu vực và quốc gia ấy phải có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quốc tế, hỗ trợ các nước khác đi lại thuận tiện qua vùng biển của mình. Bởi việc xác lập, bảo vệ chủ quyền của một dân tộc luôn gắn bó hữu cơ với việc khẳng định chủ quyền trên các vùng biển đảo. Điều đó cũng có nghĩa là, nếu chủ quyền biển đảo bị xâm phạm thì cũng sẽ làm tổn hại đến lợi ích chiến lược, cốt lõi của một quốc gia.

4.2.2. Giá trị nhân văn của chính sách

Có thể thấy rằng, dù là người phương Tây hay người phương Đông (Trung Quốc, Nhật Bản, Lưu Cầu, Xiêm,...) thì mỗi khi gặp nạn trên vùng biển Việt Nam đều được nhà Nguyễn giúp đỡ. Với nền tảng của đạo lý “Nhu viễn”, chính sách cứu nạn của nhà Nguyễn chính là biểu hiện của truyền thống thương người như thể thương thân, đầy tính nhân văn, nhân đạo của dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa. Sự kết hợp hài hòa giữa tính nhân văn, nhân đạo với thiết chế chặt chẽ đã tạo nên sự thành công của nhà Nguyễn trong chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài.

KẾT LUẬN

1. Chính sách cứu nạn được hình thành từ đời vua Gia Long và được các vị vua kế vị tiếp nối và bổ sung. Về cơ bản, nội dung chính sách cứu nạn được định hình tương đối đầy đủ dưới triều vua Gia Long và Minh Mệnh. Dưới triều Thiệu Trị, triều đình tiếp tục duy trì thực hiện các chính sách đã định hình từ trước, không có thêm lệ định cứu nạn mới nào được đề ra. Bước sang thời Tự Đức, trước những biến động về tình hình chính trị-quân sự trong nước cũng như khu vực thuộc vua Tự Đức phải có sự điều chỉnh các mức ân cấp đối với từng đối tượng bị nạn cụ thể. Các hỗ trợ triều đình đặt ra đối với các nạn nhân gặp nạn rất đa dạng như: ban cấp quần áo, lương thực, sửa chữa tàu thuyền, hỗ trợ nơi ở, miễn thuế buôn bán, mua lại hàng hóa của người bị nạn, cho vay tiền, hỗ trợ hồi hương. Triều đình cũng phân biệt rõ các mức ân cấp đối với người nước ngoài bị nạn là thương nhân hay quan quân, trí thức.

Nhìn từ chính sách cứu nạn, quá trình đề ra chính sách và thực thi chính sách diễn ra đồng thời dưới mỗi thời kỳ. Do sự chi phối của nhiều yếu tố đặc biệt là mức độ thường xuyên trong quan hệ ngoại giao, kinh tế và tình hình khu vực nên mức ân cấp của các đối tượng bị nạn nước ngoài

thường có sự chênh lệch không hoàn toàn theo đúng quy định ban đầu. So với các mức ân cấp theo lệ được nhà Nguyễn đặt ra từ trước, trên thực tế mức ân cấp dành cho người bị nạn thường cao hơn rất nhiều. Đặc biệt, đối với quan quân đi công cán gặp nạn, ân cấp của nhà Nguyễn không chỉ dừng lại ở việc cho số lượng lớn gạo, tiền rồi cho về nước mà quy trình cứu nạn và hồi hương người bị nạn thường phức tạp hơn rất nhiều. So với quy định, triều đình phải huy động khối lượng vật chất và lực lượng hỗ trợ người bị nạn lớn hơn quy định nhiều lần trong quá trình triển khai chính sách cứu nạn. Đối tượng nước ngoài thường xuyên nhận được sự giúp đỡ của triều đình khi gặp nạn là người nhà Thanh, người phương Tây (đặc biệt là Anh và Pháp), người Xiêm. Ngoài ra có một số trường hợp người bị nạn đến từ các quốc gia khác không có quan hệ ngoại giao hay giao thương với nhà Nguyễn cũng vẫn nhận được cứu giúp như Lưu Cầu, Nhật Bản, Chà Và... Xét một cách toàn diện, hai triều vua Gia Long-Minh Mệnh là thời kỳ thực thi chính sách cứu nạn quy củ và đạt được hiệu quả cao nhất. Dưới thời Thiệu Trị và Tự Đức, quá trình thực thi hoạt động cứu nạn có sự sụt giảm đáng kể do nhiều yếu tố chủ quan và khách quan. Kể từ nửa sau thế kỉ XIX, các ân cấp dưới thời Tự Đức không còn đa dạng về loại hình và phong phú về các mức chi trả nữa. Kể từ khi kí hiệp ước với Pháp, hoạt động cứu nạn của triều đình tại một số khu vực đã bị hạn chế, phương thức cứu nạn cũng dần thay đổi so với thời kỳ trước.

2. Nhà Nguyễn đã thực thi và duy trì thành công chính sách cứu nạn trong suốt thế kỉ XIX. Chính sách cứu nạn trên biến đổi với người nước ngoài đã hiện thực hóa ba mục tiêu của nhà Nguyễn gồm: nhân đạo, an ninh chủ quyền và vị thế quốc gia trong bang giao khu vực. Sự ghi nhận, biết ơn trong các văn thư ngoại giao của các quốc gia phương Tây, các quốc gia trong khu vực (Trung Quốc, Xiêm, Nhật Bản...) được gửi đến kinh đô Phú Xuân là minh chứng cho sự thành công của chính sách

cứu nạn. Bên cạnh những thành công, việc đề ra và triển khai chính sách cứu nạn cũng không tránh khỏi những hạn chế, yếu kém mà nguyên nhân bắt nguồn cả từ phía bộ máy thực thi chính sách (lực lượng cứu nạn) đến đối tượng được hưởng quyền lợi của chính sách (người bị nạn). Đó là sự chủ quan, ỷ lại trong hoạt động kiểm soát tàu thuyền trên biển và tại các cửa biển của lực lượng quan quân nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, nhiều thuyền buôn nước ngoài lợi dụng cơ hội để trốn thuế nhập cảng và tiến hành buôn lậu, tiêu biểu nhất là các Hoa thương.

3. Chính sách cứu nạn trên biển đối với người nước ngoài còn tác động đến nhiều mặt của đời sống kinh tế-văn hóa-xã hội-chính trị của Việt Nam. Mỗi lần thuyền buôn, thuyền công sai gặp nạn cập bờ biển Việt Nam là một lần Việt Nam thực hiện các thủ tục ngoại giao. Từ chính sách cứu nạn biển, quan hệ ngoại giao của Việt Nam tiếp tục được mở rộng. Ngoài việc duy trì quan hệ bang giao lâu dài với các quốc gia láng giềng như: Trung Quốc, Xiêm, Chân Lạp, thông qua các hoạt động cứu nạn, nhà Nguyễn còn mong muốn thiết lập quan hệ bang giao mới với một số nước trong khu vực không tiếp xúc thường xuyên như Diên Điện [Miến Điện], Nhã Di Lý, Nhật Bản, Triều Tiên và ổn định quan hệ bang giao với một số quốc gia phương Tây. Bên cạnh đó, mỗi chuyến đưa người bị nạn hồi hương cũng là một cơ hội để triều đình tiến hành các hoạt động mua bán, trao đổi hàng hóa ở nước ngoài. Hơn nữa, thông qua những vụ tai nạn hàng hải, không ít các tác phẩm văn thơ, nhật ký của cả người bị nạn và trí thức Việt Nam đã ra đời. Qua các tác phẩm thơ văn, nhật ký hành trình, cả nạn nhân và quan quân nhà Nguyễn đã có dịp gặp gỡ, giao lưu với một số Nho sĩ, tạo nên những mối tri âm trên đất khách.

5. Thay đổi cái nhìn truyền thống mang nhiều yếu tố “tiêu cực” trong cách nhìn nhận, đánh giá đối với triều Nguyễn nói chung và chính sách cứu nạn dưới triều Nguyễn nói riêng mang nhiều ý nghĩa quan trọng. Các ân

cấp của triều đình đối với người bị nạn nước ngoài không những thể hiện tính nhân văn, tinh thần nhân đạo của các vị vua nhà Nguyễn mà còn khẳng định chủ quyền, củng cố niềm tin về chủ quyền biển đảo thiêng liêng mà triều Nguyễn và các triều đại trước đã đổ bao mồ hôi, xương máu tạo nên. Các bằng chứng về sự ra đời của chính sách cứu nạn và hoạt động triển khai chính sách từ chính sử Việt Nam, Trung Hoa và phương Tây đã chứng minh cho hành động và ý chí làm chủ của nhà Nguyễn trong thế kỉ XIX. Việc trồng cây tránh cho các thuyền mắc cạn trên đảo, thực hiện cứu nạn, sửa chữa thuyền, hỗ trợ người nước ngoài về nước an toàn... là những biểu hiện rõ ràng, góp phần tạo ra điều kiện pháp lý vững chắc trong hoạt động thụ đắc lãnh thổ vô chủ, khẳng định quyền làm chủ của Việt Nam trên Biển Đông và các đảo xa bờ trong lịch sử.

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Phạm Thị Thơm. 2023. “Cứu hộ, cứu nạn biển dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX: Nhìn từ các thương cảng Bắc Trung Bộ”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 4 (564), tr.18-32.
2. Phạm Thị Thơm. 2024. “Chính sách cứu nạn và hồi hương người Việt của nhà Thanh nửa đầu thế kỉ XIX: Nhìn từ các tai nạn hàng hải”, *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử*, số 10 (582), tr.45-57.
3. Phạm Thị Thơm. 2025. “Cảng biển Đà Nẵng với hoạt động cứu nạn, cứu hộ người và tàu thuyền nước ngoài giai đoạn 1802-1888”, *Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 11 (215), tr.84-93